TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2019/HS-ST
Ngày 07 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Bảo và ông Trần Xuân Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Đàm Văn T, tên gọi khác "Đàm Trung T, Nguyễn Tiến N", sinh ngày 08/4/1979, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Minh H, sinh năm 1934 và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ, con: chưa có; quá trình nhân thân: Ngày 13/6/2001 bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 06/01/2005 bị UBND thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng; Ngày 13/7/2009 bị Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 17/8/2015 bị UBND quận T, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vào cơ sở bắt buộc thời hạn 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý; ngày 16/8/2017 bị Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử

phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 26/6/2019 bị Công an huyện Q khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Ngày 05/8/2019 bị Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; tiền án: 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" bị Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 271/2017/HSST ngày 28/12/2017; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã B. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Hương T, sinh ngày 25/12/1977; nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 20/11/2001; nơi cư trú: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Nhật L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ sáng ngày 31/5/2019, Đàm Văn T đang đi lang thang gần khu vực chợ B, phường B thì nẩy sinh ý định đi tìm nhà dân sơ hở để đột nhập trộm cắp tài sản, lấy tiền tiêu xài cá nhân. T đi bộ đến khu vực nhà dân ở khu phố 6, phường B, thị xã B, khi đi qua nhà chị Nguyễn Thị Bảo N, phát hiện thấy nhà không khoá cửa, xung quanh không có ai. Nên T đã đột nhập vào nhà, đi đến phòng ngủ, thấy chị N đang nằm ngủ trên giường, phía dưới chân có để 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F3, màu đen, dung lượng 32 GB, Thế đi đến lấy điện thoại, rồi tẩu thoát ra ngoài theo lối đã đột nhập.

Tiếp đó, khoảng 04 giờ 20 phút cùng ngày, T đi bộ theo đường bê tông đến khu vực nhà dân ở khu phố 1, phường B, thị xã B. Khi đi qua nhà chị Nguyễn Hương T, phát hiện thấy nhà không khoá cửa, trong nhà có đèn sáng mờ, xung quanh không có ai. Nên T trèo qua tường rào vào trong sân nhà, thấy có 01 người phụ nữ lớn tuổi đang nằm ngủ ở võng trước hiên nhà. T đi luồn qua người phụ nữ đang ngủ, vào cửa chính,

đi vào nhà. T đi đến phòng ngủ, thấy có chị Nguyễn Hương T đang nằm ngủ trên giường, cạnh chị T có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8 màu đen, T đi đến lấy điện thoại thì cùng lúc này chị T tỉnh giấc, phát hiện trong nhà có người lạ nên đã hô hoán. Thấy vậy, T hoản sợ cầm theo điện thoại bỏ chạy, tẩu thoát ra ngoài theo lối đã đột nhập trước đó.

Đến trưa ngày 31/5/2019, Thế đưa 02 điện thoại di động vừa trộm cắp được đến tại cửa hàng điện thoại di động "Đô Smartphone" ở khu phố 5, phường B, thị xã B bán cho anh Trần Văn Đ với giá 2.000.000 đồng, số tiền bán được, T tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mua 02 điện thoại di động nói trên của Đàm Văn T, anh Đ đã bán lại cho 01 người khách không rõ danh tính, địa chỉ với số tiền 3.000.000 đồng nên không thể thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/HĐ ngày 06/6/2019 và số 25/HĐ ngày 04/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8, màu đen, dung lượng 64GB của chị Nguyễn Hương T có giá trị 7.400.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F3, màu đen, dung lượng 32GB của chị Nguyễn Thị Bảo N có giá trị 2.100.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ 1.000.000 đồng do Trần Văn Đ tự nguyện giao nộp, là tiền chênh lệch khi Trần Văn Đ bán 02 điện thoại do Đàm Văn T trộm cắp được đến bán.

Quá trình điều tra Đàm Văn T và những người bị hại thoả thuận: Đàm Văn T bồi thường cho chị Nguyễn Hương T số tiền 7.400.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bảo N số tiền 2.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường cho chị T và chị N.

Liên quan trong vụ án còn có hành vi của anh Trần Văn Đ đã mua 02 điện thoại di động mà T trộm cắp được. Tuy nhiên, khi mua anh Đ không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra chỉ nhắc nhở, giáo dục là phù hợp.

Tại bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSTXBĐ, ngày 02/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Đàm Văn Thế về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đàm Văn T từ 18 đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị

Nguyễn Hương T số tiền 7.400.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bảo N số tiền 2.000.000 đồng theo sự thỏa thuận; áp dụng vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng do Trần Văn Đ giao nộp.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn T nhất trí với tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị tại phiên toà, tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc diện hộ nghèo.Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đàm Văn T nhất trí với tội danh và lời luận tội của Kiểm sát viên cũng như lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo tại phiên toà. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi ngĩa vụ liên quan cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào rạng sáng ngày 31/5/2019, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Nguyễn Hương T và chị Nguyễn Thị Bảo N, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8, màu đen và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F3, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 9.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành của tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm

truy tố về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Chính bị cáo cũng thừa nhận hành vi của mình đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khoẻ, có đầy đủ năng lực hành vi, có khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật nhất định. Đáng lẽ bị cáo phải chịu khó học tập, rèn luyện, lao động để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và gia đình nhưng chỉ vì lười lao động, đùa đòi, chơi bời lêu lổng, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về tội "trộm cắp tài sản" nhưng bị cáo không biết tự rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, ý thức coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng. Điều đó cho thấy bị cáo là đối tượng hết sức nguy hiểm cho xã hội, sẵn sàng phạm tội khi có điều kiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần và đang có một tiền án, ngày 28/12/2017, bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" bị Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 271/2017/HSST ngày 28/12/2017 chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt là phù hợp và tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

[7] Về hình phạt: Qua xem xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có điều kiện sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo và những người bị hại đã thỏa thuận việc bồi thường, cụ thể: bị cáo T phải bồi thường cho chị Nguyễn Hương T

số tiền 7.400.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bảo N số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo T chưa bồi thường nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Hương T số tiền 7.400.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bảo N số tiền 2.000.000 đồng.

[8] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra anh Trần Văn Đ giao nộp số tiền 1.000.000 đồng. Xét thấy đây là tiền do thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Đàm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đàm Văn T, tên gọi khác: Đàm Trung T, Nguyễn Tiến N, phạm tội "Trộm cắp tài sản"

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đàm Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 06/6/2019)

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đàm Văn T 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo Quyết định tạm giam bị cáo tại phiên toà để đảm bảo công tác thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đàm Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Hương T số tiền 7.400.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bảo N số tiền 2.000.000 đồng theo thỏa thuận.

"Kể từ ngày tếp theo ngày tuyên án sơ thẩm hoặc từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho người được thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự"

4. Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vật chứng trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B ngày 07 tháng 10 năm 2019).

5. Về án phí: Bị cáo Đàm Văn T nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 470.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt tại phiên toà) hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án (đối với người vắng mặt tại phiên toà)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CA thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- THADS thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo và người bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.